

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng giai đoạn 2018 – 2020”

Thực hiện Quyết định số 2027/QĐ-BNN-BVTV ngày 02 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng giai đoạn 2015 - 2020”; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án: “Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng giai đoạn 2018 - 2020” tại tỉnh Bình Dương, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giảm thiểu môi nguy hại do lạm dụng hóa chất, nhất là thuốc bảo vệ thực vật đối với sức khỏe cộng đồng, môi trường, an toàn thực phẩm, tăng hiệu quả sản xuất và phát triển nông nghiệp bền vững góp phần thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành trồng trọt trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn xa hơn.

Hướng đến cân bằng sinh thái để quản lý dịch hại và bảo tồn thiên địch, thông qua áp dụng hài hòa các biện pháp canh tác, tăng khả năng chống chịu của cây trồng, giảm sử dụng hóa chất, phân bón hóa học, xây dựng nền nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái có khả năng cạnh tranh, tăng giá trị và lợi nhuận trên một diện tích đất nông nghiệp.

Nâng cao vai trò chủ động của nông dân trong quản lý đồng ruộng hướng đến nông dân trở thành các chuyên gia trên đồng ruộng trên cơ sở chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thông qua hình thức “cầm tay, chỉ việc”.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo thêm 25 giảng viên chính đủ năng lực hướng dẫn nông dân áp dụng IPM trên cây lúa, rau và cây ăn trái, cây công nghiệp và hơn 500 nông dân, các chủ trang trại, hợp tác xã,...hiểu biết và áp dụng về quản lý dịch hại tổng hợp vào các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái trên cây trồng chủ lực như rau, cây ăn trái,... theo định hướng của quy hoạch của tỉnh Bình Dương đến 2025.

- Đối với cây lúa: có 80% diện tích trồng lúa được ứng dụng IPM đầy đủ; trên 70% số hộ nông dân sản xuất hiểu biết và áp dụng IPM; lượng thuốc hóa học trừ sâu, bệnh giảm trên 50%, lượng phân đạm giảm trên 10%, lượng giống giảm trên 30%, lượng nước tưới giảm trên 20%, phát thải khí nhà kính giảm trên 20% và tăng hiệu quả sản xuất trên 10%.

- Đối với cây rau: có 70% diện tích trồng rau được ứng dụng IPM đầy đủ (tăng 10%/năm); trên 70% số hộ nông dân sản xuất hiểu biết và áp dụng IPM;

lượng thuốc hóa học trừ sâu, bệnh giảm trên 50%, lượng phân đạm giảm trên 20%, lượng giống giảm trên 20% và tăng hiệu quả sản xuất trên 30%.

- Đối với cây ăn quả: có 80% diện tích trồng cây ăn quả được ứng dụng IPM đầy đủ; trên 70% số hộ nông dân sản xuất cây ăn quả hiểu biết và áp dụng IPM; lượng thuốc hóa học trừ sâu, bệnh giảm trên 30%, tăng hiệu quả sản xuất trên 20%.

- Đối với cây công nghiệp dài ngày: 85% diện tích ứng dụng IPM đầy đủ; trên 80% số hộ nông dân sản xuất hiểu biết và áp dụng IPM; lượng thuốc hóa học trừ sâu, bệnh giảm trên 50% và tăng hiệu quả sản xuất trên 15%.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đào tạo nguồn nhân lực

a) Tổ chức các khóa đào tạo thông qua tập huấn đội ngũ giảng viên chính TOT (A Training of trainer) về FFS (The Farmer Field school) cấp tỉnh, cấp huyện:

- Đối tượng: là các cán bộ kỹ thuật chuyên ngành Trồng trọt, Bảo vệ thực vật.

- Yêu cầu: giảng viên có ít nhất 3 người tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên môn, kỹ năng, phương pháp huấn luyện (đã qua đào tạo TOT do Cục Bảo vệ thực vật tổ chức, cấp giấy chứng nhận); 5 giảng viên/1lớp TOT.

- Thời gian: 12 tuần/24 ngày. Áp dụng trên cây rau, cây có múi (theo giai đoạn sinh trưởng quan trọng). Mỗi tuần tập trung 2 ngày.

- Nội dung đào tạo: gồm 2 phần gồm lý thuyết (kỹ năng giảng dạy, tổ chức lớp,...) và thực hành huấn luyện FFS: mỗi TOT tổ chức thành 2 - 5 lớp FFS để các học viên thực hành về giảng dạy (nội dung, phương pháp), tổ chức lớp,...

b) Tổ chức các lớp FFS cho nông dân tập huấn nông dân.

- Đối tượng: học viên là nông dân trực tiếp tham gia sản xuất.

- Yêu cầu đối với giảng viên: giảng viên là người đã qua huấn luyện TOT; mỗi lớp sẽ do 2 giảng viên phụ trách.

- Thời gian 24 ngày tổ chức suốt 1 vụ sản xuất (kết thúc khi thu hoạch sản phẩm).

2. Mô hình

Triển khai và thực hiện các mô hình cộng đồng thông qua việc chuyển giao cho nông dân ứng dụng những kỹ thuật quản lý dịch hại bền vững và giảm thiểu sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật:

- Đối với cây lúa: cán bộ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tập huấn, cùng nông dân ra đồng theo dõi mô hình định kỳ hàng tuần như ghi nhật ký đồng ruộng, trao đổi tình hình sinh trưởng, sâu bệnh hai chiều giữa cán bộ kỹ thuật với nông dân, ... áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững nhằm giảm sử dụng hóa chất, giảm nước tưới, giảm phát thải khí nhà kính, tăng khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng chế phẩm sinh học để kiểm soát sâu hại, sử dụng phân hữu cơ hoai mục,

phân hữu cơ vi sinh, xử lý nguồn rơm rạ để cải tạo đất, sử dụng giống hợp lý, áp dụng cơ giới hóa,....

- Đối với cây rau: khuyến cáo nông dân giảm sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, ưu tiên áp dụng các quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ hoai mục, phân vi sinh, thuốc sinh học, thảo mộc, bẫy, bã, pheromone, ... diệt sâu hại, vào các mô hình trồng nhà lưới, hướng đến sản xuất rau an toàn, rau hữu cơ đáp ứng nhu cầu thị trường, theo quan điểm phát triển nông nghiệp của tỉnh.

- Đối với cây ăn trái: áp dụng quy trình quản lý dịch hại vào các mô hình cây ăn trái hướng đến công nghệ cao qua các biện pháp sinh thái để thúc đẩy phát triển hệ sinh vật có ích trong đất bằng cách hạn chế sử dụng hóa chất; tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ hoai, phân bón vi sinh, trồng xen canh cây xua đuôi, phủ bạt che nắng,...

- Đối với cây công nghiệp: xây dựng mô hình áp dụng quy trình quản lý dịch hại bằng các biện pháp sinh thái để thúc đẩy phát triển hệ sinh vật có ích trong đất như bón phân vi sinh, bón phân hữu cơ hoai mục hạn chế được sâu hại rễ cao su, trồng xen canh cây xua đuôi, sử dụng chế phẩm *Trichoderma* hạn chế nấm do *Phytophthora*,...

Các mô hình được xây dựng và đánh giá hiệu quả dựa trên các tiêu chí sau:

- Hiệu quả kỹ thuật: Nâng cao nhận thức của nông dân về kỹ thuật canh tác, quản lý tốt dịch hại trên cây trồng thông qua các biện pháp canh tác theo hướng bền vững như sử dụng giống xác nhận, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”; sử dụng phân bón hợp lý và cân đối NPK...;

- Hiệu quả kinh tế: Năng suất tăng cao và ổn định nhưng chi phí đầu tư thấp do giảm sử dụng thuốc hóa học và không bón thừa đạm.

- Hiệu quả xã hội: Đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm trên nông sản sau thu hoạch, không gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng và nhân rộng IPM trong sản xuất đại trà

Mô hình triển khai thí điểm đáp ứng các tiêu chí đã đề cập ở trên sẽ được mở rộng trong sản xuất đại trà thông qua các hội thảo đầu bờ, phát huy những thành công từ mô hình, rút kinh nghiệm những hạn chế của mô hình để ứng dụng IPM linh động và hợp lý hơn trên các cây trồng khác ở những điều kiện sinh thái và vị trí địa lý khác nhau; áp dụng phương pháp “nông dân huấn luyện nông dân” với các chủ đề về IPM trên một số cây trồng chính, thâm canh cây trồng bền vững, giảm thiểu nguy cơ do sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật. Với tiêu chí 1 nông dân đã được tập huấn IPM sẽ huấn luyện 3 - 5 nông dân khác cùng thực hiện.

Tuyên truyền kết quả mô hình IPM tới cộng đồng ấp, xã thông qua việc tổ chức hội thảo đầu bờ, hệ thống truyền thanh xã và lồng ghép trong nội dung sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, câu lạc bộ.

Mở rộng ứng dụng IPM trên các đối tượng cây trồng tại các xã, phường gắn với xây dựng cánh đồng lớn trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực của người sản xuất, ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua lồng ghép các chương trình/dự án tại địa phương thông qua Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

4. Xây dựng quy trình áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp

Xây dựng quy trình áp dụng nguyên tắc IPM cho từng cây trồng bao gồm các biện pháp từ khâu chọn giống, làm đất, thời vụ, chăm sóc, phòng trừ dịch hại, luân canh cây trồng, thu hoạch, bảo quản, sử dụng chế phẩm sinh học, phân hữu cơ, thuốc sinh học.

Xây dựng, thực hiện các lớp huấn luyện nông dân FFS (Farmer Field School-FFS) về IPM trên cây lúa, cây rau, cây ăn trái và cây công nghiệp.

5. Cải tiến nội dung huấn luyện cho nông dân.

- Xây dựng, thực hiện các lớp huấn luyện nông dân (Farmer Field School-FFS) về IPM trên cây lúa, cây rau, cây ăn trái và cây công nghiệp, thực nghiệm đồng ruộng do nông dân thực hiện, hội thảo đầu bờ.

- Tổ chức các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm thực tế cho nông dân thực hiện mô hình, cộng tác viên giám sát mùa màng, cán bộ kỹ thuật trong địa bàn tỉnh nhằm nhân rộng mô hình.

III. THỜI GIAN, KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: từ năm 2018 đến năm 2020.

2. Kinh phí và lộ trình thực hiện

a) Tổng hợp các hoạt động và kinh phí thực hiện

Bảng 1: Dự toán kinh phí cho các hoạt động (2018-2020)

TT	Nội dung hoạt động	Số tiền (đồng)	Tổ chức thực hiện
01	Nội dung 1: đào tạo nguồn nhân lực	1.160.484.400	Sở Nông nghiệp &PTNT (Chi cục TT&BVTV)
02	Nội dung 2: Ứng dụng IPM vào thực hiện các mô hình	621.063.224	Sở Nông nghiệp &PTNT (Chi cục TT&BVTV)
03	Nội dung 3: Nhân rộng áp dụng IPM trong sản xuất đại trà	98.016.000	Sở Nông nghiệp &PTNT (Chi cục TT&BVTV)
04	Nội dung 4: Truyền thông - tuyên truyền	235.650.000	Sở Nông nghiệp &PTNT (Chi cục TT&BVTV)
05	Nội dung 5: Hội nghị tổng kết đề án IPM	38.218.500	Sở Nông nghiệp &PTNT (Chi cục TT&BVTV)
06	Nội dung 6: Chi khác	86.137.285	Sở Nông nghiệp &PTNT (Chi cục TT&BVTV)
	Tổng cộng	2.239.569.409	

Nguồn kinh phí: ngân sách địa phương.

b) Lộ trình thực hiện

Năm 2018: Tập huấn 02 lớp TOT cho giảng viên IPM (01 lớp rau và 01 lớp cây có múi) là cán bộ kỹ thuật Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; xây dựng quy trình áp dụng IPM trên cây rau, cây có múi, cây công nghiệp; quy trình trồng và thâm canh cây trồng theo hướng GAP; thực hiện 01 chương trình cùng nông dân ra đồng (sản xuất lúa theo “1 phải 5 giảm”); 01 mô hình áp dụng IPM trên cây rau, 01 mô hình áp dụng IPM trên cây ăn trái; nhân rộng mô hình IPM qua thực hiện 06 điểm nghiên cứu đồng ruộng và tổ chức 02 cuộc hội thảo đầu bờ (kết hợp phát tài liệu, tờ rơi); thực hiện tham quan học tập kinh nghiệm;

Năm 2019: Thực hiện 03 lớp huấn luyện nông dân FFS trên cây rau và 03 lớp FFS trên cây ăn trái (kết hợp phát tài liệu, tờ rơi); 01 mô hình áp dụng IPM trên cây rau, 02 mô hình áp dụng trên cây ăn trái; 01 mô hình áp dụng IPM trên cây tiêu, 06 điểm nghiên cứu đồng ruộng và tổ chức 02 hội thảo;

Năm 2020: Thực hiện 04 lớp huấn luyện nông dân FFS trên cây rau và 03 lớp FFS trên cây ăn trái (kết hợp phát tài liệu, tờ rơi); 01 mô hình áp dụng IPM trên cây rau, 01 mô hình áp dụng IPM trên cây ăn trái; 06 điểm nghiên cứu đồng ruộng và tổ chức 02 hội thảo;

Bảng 2: Lộ trình và kinh phí thực hiện các hoạt động

DVT: đồng

STT	Nội dung hoạt động	Số lượng	Phân kỳ kinh phí theo các năm			Cơ quan chủ trì
			2018	2019	2020	
1	Tập huấn 19 lớp					Chi cục TT&BVTV
	Mở các khóa đào tạo giảng viên chính IPM (TOT) trên cây rau, cây có múi	02 lớp	Quý II, III, IV 287.860.000 (01 lớp cây có múi, 01 lớp rau)		-	“
	Mở lớp huấn luyện nông dân về IPM cây rau (FFS)	11 lớp	Quý II, III, IV 177.907.200 (04 lớp)	Cả năm 133.430.400 (03 lớp)	Quý II, III 177.907.200 (04 lớp)	“
	Mở lớp huấn luyện nông dân về IPM cây ăn trái (FFS)	06 lớp	-	Quý II, III 191.689.800 (03 lớp)	Quý II, III 191.689.800 (03 lớp)	“
2	Xây dựng các chương trình và mô hình áp dụng IPM (9 mô hình)					“
	Chương trình cùng nông dân ra đồng sản xuất lúa theo “1 phải 5 giảm	01	Quý II, III 170.563.400 (01 điểm)		-	“
	Mô hình áp dụng IPM trên cây rau	03	Quý II, III, IV 20.643.660 (01 mô hình)	Cả năm 20.643.660 (01 mô hình)	Cả năm 20.643.660 (01 mô hình)	“

	Mô hình áp dụng IPM trên cây ăn trái	04	Quý II, III, IV 78.990.636 (01 mô hình)	Cả năm 157.981.272 (02 mô hình)	Cả năm 78.990.636 (01 mô hình)	“
	Mô hình áp dụng IPM trên cây tiêu	01	-	Quý II, III, IV 72.606.300 (01 mô hình)	-	“
3	Nhân rộng áp dụng IPM trong sản xuất đại trà (18 lớp, 6 hội thảo)					“
	Lớp nông dân huấn luyện nông dân về IPM rau, cây ăn trái, cây công nghiệp	“	Quý II, III, IV (6 điểm: 25.560.000, 02 hội thảo: 7.112.000)	Cả năm (6 điểm: 25.560.000, 02 hội thảo: 7.112.000)	Cả năm (6 điểm: 25.560.000, 02 hội thảo: 7.112.000)	“
4	Truyền thông - tuyên truyền					“
	Công biên soạn qui trình kỹ thuật IPM trên 4 cây trồng chính trên tỉnh	04 quy trình	Quý II, III 8.400.000			“
	In tài liệu quy trình/4 loại cây	500 quyển	Quý II, III 67.500.000	-	-	“
	Tham quan học tập kinh nghiệm		Quý III, IV 159.750.000			
5	Hội nghị tổng kết				Quý III, IV 38.218.500	“
6	Chi khác		40.171.476	24.360.937	21.604.872	“
	Tổng		1.044.458.372	633.384.369	561.726.668	

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về khoa học công nghệ

Tăng cường ứng dụng các giống cây trồng có chất lượng cao, khả năng chống chịu sâu bệnh hại tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên, canh tác ở địa phương nhằm giảm thiệt hại do sâu bệnh hại gây ra, bảo vệ năng suất.

Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong bảo vệ thực vật. Ứng dụng các chế phẩm sinh học, các vi sinh vật đối kháng, phân bón vi sinh ... trong quản lý dịch hại nhằm giảm sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật.

Tăng cường, củng cố hệ thống điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại nhằm đáp ứng kịp thời, chính xác thông tin phục vụ công tác quản lý dịch hại.

2. Về phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, năng lực về IPM. Nâng cao kỹ năng, năng lực cho đội ngũ cộng tác viên giám sát mùa màng, nông dân nòng cốt về IPM như người nông dân trực tiếp sản xuất, các chủ trang trại, các ban quản lý hợp tác xã, hướng người sản xuất áp dụng đầu tư vào lĩnh vực

công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp đô thị,... tạo điều kiện cho lực lượng này phát huy vai trò hướng dẫn, giúp đỡ cộng đồng trong hoạt động IPM.

Tuyên truyền thông qua đài phát thanh, đài truyền hình địa phương; qua các hoạt động của hội nông dân tại địa phương; hệ thống cộng tác viên giám sát mùa màng tình; đoàn viên thanh niên,...

3. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Tổ chức thực hiện đồng bộ kế hoạch tuyên truyền, bao gồm: in ấn tài liệu, sổ tay hướng dẫn quy trình IPM trên cây lúa, rau, cây công nghiệp và cây ăn trái.

- Tuyên truyền thông qua cơ quan thông tin đại chúng (phóng sự truyền hình, báo, đài truyền thanh, phát thanh, tờ rơi, pano-apphic, bản tin, băng đĩa hình ...) với các nội dung như: không dùng thuốc trừ sâu sớm, giảm đạm, “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, sản xuất rau an toàn, thực hành nông nghiệp tốt (GAP), các nguy cơ do hóa chất bảo vệ thực vật ảnh hưởng đối với sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái.

- Tuyên truyền kết quả các mô hình IPM đến tất cả các nông dân thông qua hội thảo đầu bờ, truyền thanh-truyền hình lồng ghép trong các cuộc hội thảo đầu bờ từ các mô hình áp dụng IPM trên các cây trồng chủ lực của tỉnh, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ nhà nông, diễn đàn nông dân và các chương trình, dự án địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chỉ đạo, giao nhiệm vụ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; chỉ đạo trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp huyện phối hợp với Hội Nông dân, phòng Kinh tế các địa phương triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch; Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Bảo vệ thực vật.

2. Các sở, ngành liên quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu thu hút và bố trí các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất nhằm phục vụ cho việc triển khai Kế hoạch.

- Sở Tài chính: theo chức năng, nhiệm vụ cân đối, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn kinh phí thực hiện trong ngân sách địa phương, vốn dự toán chi không thường xuyên được cấp hằng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ; điều chỉnh cơ cấu đề tài nghiên

cứ, tập trung vào các nhiệm vụ chính của Đề án tái cơ cấu, hỗ trợ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Sở Công Thương: Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan, nghiên cứu, rà soát các chính sách về thương mại linh hoạt, hiệu quả, tạo thuận lợi thúc đẩy tiêu thụ nông, lâm, thủy sản trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Thông tin tuyên truyền và tổ chức thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn quản lý. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác chỉ đạo, phát triển sản xuất; triển khai chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương gắn với các chương trình, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kịp thời và hiệu quả.

- Tăng cường quản lý hiệu quả tình hình kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn nhằm hướng dẫn người sản xuất sử dụng các sản phẩm bảo vệ năng suất cây trồng an toàn cho môi trường.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã và các Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trên địa bàn quản lý:

- + Tiếp nhận và khuyến cáo nông dân ứng dụng chương trình IPM.
- + Đẩy mạnh việc nhân rộng các mô hình IPM trong sản xuất đại trà.
- + Đưa IPM vào Chương trình hành động của từng địa phương.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ, Hội ND; Hội LHPN tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, KHĐT, TC, KHCN, CT, TTTT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục TT&BVTV;
- Đài PT-TH, Báo BD; Website tỉnh
- LDVP (Lg, Th) Ch, TH;
- Lưu: VT *ck*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng